

MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

ĐỖ HOÀNG ÁNH*

1. Tình hình thế giới, trong nước và yêu cầu phát triển công nghệ thông tin ở Việt Nam

Từ những thập kỷ 70, 80 của thế kỷ XX, cách mạng khoa học công nghệ, sự bùng nổ thông tin và xu thế toàn cầu hóa kinh tế đã chi phối sự phát triển của xã hội loài người. Quá trình phát triển bền vững của các quốc gia ngày càng dựa vào nguồn tài nguyên mới là tri thức khoa học và công nghệ, đi đầu là công nghệ cao, công nghệ tiên tiến¹.

Trong xu thế toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới, nhiều nước đã tự tìm kiếm các cơ hội và tận dụng những thành tựu của các ngành công nghệ cao như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới - công nghệ nano, công nghệ hàng không vũ trụ..., nhằm tạo nên sự "chuyển động gia tốc" và phát triển đột biến nền kinh tế của riêng mình. Một trong những bí quyết thành công của các nền kinh tế đó là việc hoạch định chiến lược phát triển đúng đắn. Đây là kinh nghiệm quý báu đối với các nước đang phát triển trong quá trình tận dụng thành tựu của các ngành này hướng vào phục vụ công cuộc hiện đại hóa của mỗi nước. Từ những năm 50 của thế kỷ XX, đặc biệt trong những năm gần đây, sự phát triển như vũ bão của công nghệ

thông tin trên thế giới đã làm chuyển biến mạnh mẽ nhận thức, quan điểm và hành động của hầu hết các quốc gia về lĩnh vực công nghệ này.

Trong sự vận động lịch sử đó, công nghệ thông tin có vai trò như một chiếc chìa khóa cho sự phát triển kinh tế tri thức của mỗi quốc gia, dân tộc. Năm 1988, hai vợ chồng nhà giáo thuộc Đại học Stanford đã tạo được công nghệ mạng mới rồi lập ra Công ty Sisco. Đến thời điểm kỷ niệm 10 năm thành lập, doanh số của Công ty này đã là 72 tỷ USD (gấp gần 3 lần GDP Việt Nam bấy giờ)². Thành công và những đóng góp vào sự phát triển xã hội của nhiều hãng công nghệ, như Microsoft, Google, Apple, Samsung, LG ở những quốc gia như Mỹ, Hàn Quốc, càng cho thấy phần nào sức mạnh và cơ hội mà công nghệ thông tin đem lại. Tại các trung tâm phát triển của thế giới, công nghệ thông tin đã đóng góp rất lớn cho sự tăng trưởng về năng suất lao động và sự tiến bộ về xã hội. Lịch sử cho thấy, không có nước phát triển văn minh nào mà công nghệ thông tin lại kém phát triển và cũng không có nước kém phát triển về công nghệ thông tin mà lại phát triển được. Ngay cả nước Mỹ, trong Thông điệp Liên bang ngày 25/1/2011, Tổng thống Obama cũng nhấn mạnh: công nghệ thông tin là một trong ba ưu tiên hàng đầu giúp Mỹ năng động hóa nền kinh tế,

* Thạc sỹ, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

khôi phục sự phát triển và duy trì vị trí hàng đầu thế giới.

Ngoài những lợi ích về kinh tế, việc phát triển công nghệ thông tin ở nhiều nước đã giúp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, thúc đẩy giáo dục, phát triển cộng đồng, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, đóng góp đáng kể vào sự nghiệp xóa đói, giảm nghèo³, tăng cường dân chủ và công bằng xã hội.

Trong bối cảnh có những thách thức như vậy, Việt Nam tiến hành công cuộc đổi mới đất nước (năm 1986). Công cuộc đổi mới diễn ra toàn diện trong nhận thức về mọi lĩnh vực, đột phá vào lĩnh vực tư duy kinh tế và một số vấn đề mang tính then chốt. Nhờ có đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng, chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, toàn diện, có ý nghĩa lịch sử, cả trên hai mặt thực tiễn và lý luận. Đây là cơ sở kinh tế - văn hóa - xã hội - chính trị rất quan trọng cho việc hình thành những tư tưởng đổi mới mạnh mẽ hơn, đáp ứng vấn đề phát triển đất nước. Để đáp ứng nhu cầu tiếp tục sự tăng trưởng bền vững của nền kinh tế, đảm bảo ổn định chính trị, cuộc sống của nhân dân ngày một tốt hơn trong bối cảnh toàn cầu hóa và hình thành kinh tế tri thức, thì cần phải phát triển khoa học - công nghệ, trong đó công nghệ thông tin là một trong những ngành mũi nhọn. Hơn nữa, trước yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa⁴, trước việc phát triển quá chậm chạp của công nghệ thông tin Việt Nam trong những năm 1976-1996, việc đẩy nhanh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin ở nước ta

đặt ra rất cấp bách. Điều đó sẽ góp phần giải phóng mạnh mẽ sức mạnh vật chất, trí tuệ và tinh thần của toàn dân tộc; thúc đẩy công cuộc đổi mới; phát triển nhanh và hiện đại hóa các ngành kinh tế; tăng cường năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp. Đồng thời, nó hỗ trợ hiệu quả quá trình chủ động hội nhập quốc tế; nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân; đảm bảo an ninh quốc phòng và tạo ra khả năng đi tắt đón đầu trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Đổi mới tư duy của Đảng ta về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin

Từ Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI (năm 1986), tin học được xác định thuộc hướng các khoa học hiện đại và được chủ trương tập trung triển khai một số đề tài chọn lọc⁵. Đến Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 30/3/1991 về khoa học và công nghệ trong sự nghiệp đổi mới, tin học cùng với một số ngành khác được xác định là ngành mũi nhọn, khoa học - công nghệ được xác định không chỉ là động lực phát triển kinh tế - xã hội, mà còn là động lực quan trọng của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Chủ trương của Đảng trong Đại hội VII (tháng 6/1991) và đặc biệt Nghị quyết số 49/CP ngày 4/8/1993 của Chính phủ về “*Phát triển công nghệ thông tin ở Việt Nam trong những năm 90*” đã xác định công nghệ thông tin là một trong những hướng công nghệ hiện đại cần tập trung phát triển, góp phần tạo nên động lực đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới. Từ Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng

khóa VII (tháng 7/1994) và Đại hội lần thứ VIII của Đảng (tháng 6/1996), các khái niệm công nghệ cao, công nghệ tiên tiến được sử dụng rộng rãi. Công nghệ thông tin được xác định là một trong những lĩnh vực công nghệ ưu tiên⁶. Như vậy, từ những năm 70 cho đến những năm 90, nhận thức của Đảng về lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ tiên tiến nói chung và công nghệ thông tin nói riêng có những thay đổi bước đầu. Tầm quan trọng của công nghệ thông tin với quốc gia dần được xác định, thể hiện trong các định hướng phát triển kinh tế - xã hội.

Năm 2000, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 58-CT/TW ngày 17/10/2000 về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chỉ thị đã xác định việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin “góp phần giải phóng sức mạnh vật chất, trí tuệ và tinh thần của toàn dân tộc, thúc đẩy công cuộc đổi mới, phát triển nhanh và hiện đại hoá các ngành kinh tế, tăng cường năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp, hỗ trợ có hiệu quả cho quá trình chủ động hội nhập quốc tế, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, đảm bảo an ninh, quốc phòng và tạo khả năng đi tắt đón đầu. Như vậy, với Chỉ thị 58-CT/TW, công nghệ thông tin được xác định là một trong các động lực quan trọng nhất của sự phát triển, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp phát triển vào năm 2020. Chỉ thị 58/CT-TW đã tạo ra định hướng và môi trường thuận lợi mới cho ứng dụng và phát triển CNTT ở

nước ta. Đồng thời, nhận thức về vấn đề này ngày càng toàn diện, sâu sắc hơn qua các Đại hội lần thứ IX, X và XI.

Trong tiến trình cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn coi trọng phát triển khoa học - công nghệ. Chỉ thị số 58 của Bộ Chính trị đã tập trung giải quyết tốt hơn về vấn đề ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin. Đó là một quyết sách chiến lược, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước, nhất là khi toàn cầu hóa và thay đổi công nghệ đang phát triển không ngừng. Quyết sách đó đánh dấu bước tiến mới có tính bước ngoặt trong nhận thức của Đảng về phát triển công nghệ thông tin, mở ra một thời kỳ mới cho sự phát triển của tin học và công nghệ thông tin ở Việt Nam.

3. Những kết quả và xu thế phát triển công nghệ thông tin ở Việt Nam

Thực hiện Chỉ thị 58 của Bộ Chính trị, việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin ở nước ta đã có những tiến bộ rõ rệt. Công nghệ thông tin đã đi sâu vào mọi mặt đời sống; nó thúc đẩy mạnh mẽ việc nâng cao năng suất lao động, kích thích mọi ngành, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Công nghệ thông tin đã có những đóng góp không nhỏ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cải cách hành chính, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng và hiệu quả phục vụ của các ngành và các lĩnh vực, nâng cao năng lực cạnh tranh của nhiều doanh nghiệp, đóng góp tích cực trong việc cung cấp thông tin phục vụ cộng đồng, kể cả khu vực nông thôn, các vùng xa và đồng bào ta ở nước ngoài. Ngày nay, không một ngành nào, lĩnh vực

nào phát triển mà lại không có sự tham gia của công nghệ thông tin.

Công nghệ thông tin đã được triển khai rộng rãi trong mọi lĩnh vực, trở thành một trong những yếu tố quan trọng của sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng; các doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước đều ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động hàng ngày và là công cụ quen thuộc của người dân; mạng thông tin quốc gia đã phủ trên cả nước với thông lượng lớn, tốc độ và chất lượng cao, giá rẻ; tỷ lệ người sử dụng Internet đạt mức trung bình thế giới. Trong bài phát biểu khai mạc Diễn đàn Công nghệ thông tin thế giới (WITFOR) tại Hà Nội, ngày 26/8/2009, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã khẳng định: Việt Nam chúng tôi coi công nghệ thông tin và truyền thông là một công cụ quan trọng hàng đầu và là ngành kinh tế mũi nhọn để thực hiện các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ, xây dựng xã hội thông tin, rút ngắn quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Đặc biệt, ngày 16/01/2012, Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TW về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, trong đó công nghệ thông tin - truyền thông được xem là hạ tầng và cũng là 1 trong 10 hạ tầng quan trọng cần tập trung đầu tư phát triển. Như vậy, công nghệ thông tin đã được coi là một trong những giải pháp tốt nhất để thực hiện thành công 3 khâu đột phá trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai

đoạn 2011 đến 2020 do Đại hội Đảng lần thứ XI đề ra, nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

Công nghệ thông tin trở thành một trong những lĩnh vực quan trọng đang tiếp tục có những tác động ngày càng lớn vào sự tăng trưởng bền vững của Việt Nam. Trong thời gian gần đây, dù phải đối mặt với sự suy thoái của nền kinh tế, công nghệ thông tin Việt Nam vẫn tiếp tục phát triển và đạt được nhiều thành tựu quan trọng, đóng góp ngày càng nhiều cho GDP của đất nước. Tổng doanh thu toàn ngành công nghệ thông tin năm 2011 đạt 20 tỷ USD, tăng ngoạn mục 79% so với năm 2010, gấp 22 lần so với năm 2000; trong đó công nghiệp phần cứng điện tử đạt doanh thu 11,3 tỷ USD, tăng 101% so với năm 2010, công nghiệp phần mềm đạt 1,17 tỷ USD với mức tăng trưởng 10%... Riêng ở mảng Internet, mức đóng góp là 0,9% trong GDP, trong đó có một phần đáng kể đến từ mảng tiêu dùng cá nhân (*chỉ số này hiện đang tương đương với Thổ Nhĩ Kỳ và Ma rốc, cao hơn tại Nga nhưng lại thấp hơn nhiều so với mức 4,1% ở Malaysia, 3,2% ở Ấn Độ và 2,6% ở Trung Quốc*). Nhiều chỉ số công nghệ thông tin của Việt Nam tiếp tục được cải thiện, nhất là trong lĩnh vực Chính phủ điện tử, công nghiệp công nghệ thông tin và phát triển Internet.

Hệ thống tổ chức chỉ đạo và quản lý nhà nước đối với lĩnh vực công nghệ thông tin được đổi mới và tăng cường. Chính phủ đã quyết tâm thúc đẩy ngành công nghệ thông tin và viễn thông, đặc biệt trong lĩnh vực

sản xuất phần mềm, hạ tầng Internet, tăng cường giáo dục về công nghệ thông tin và các hình thức phát triển nguồn nhân lực khác. Tháng 12/2002, Ban Chỉ đạo Chương trình Hành động triển khai Chỉ thị 58 giai đoạn 2001 - 2005 được thành lập (còn gọi là Ban Chỉ đạo Quốc gia về công nghệ thông tin) do một Phó Thủ tướng làm Trưởng ban (từ 9/8/2006, Ban Chỉ đạo do Thủ tướng Chính phủ trực tiếp làm Trưởng ban). Nhiều Bộ, ngành, cơ quan Đảng và địa phương đã thành lập Ban Chỉ đạo công nghệ thông tin của mình. Trong năm 2002, Bộ Bưu chính, Viễn thông thành lập và được giao thống nhất quản lý nhà nước về viễn thông và công nghệ thông tin. Các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, các tổng công ty 91 đều cử cán bộ lãnh đạo phụ trách công nghệ thông tin theo tinh thần của Chỉ thị 58. Tháng 8/2007, Bộ Thông tin và Truyền thông được thành lập trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của Bộ Bưu chính, Viễn thông và tiếp nhận thêm chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về báo chí, xuất bản từ Bộ Văn hóa - Thông tin. Lịch sử ngành Thông tin và Truyền thông Việt Nam lại bước sang một trang mới. Việc thành lập Bộ Thông tin và Truyền thông thể hiện tư duy mới trong quản lý đa ngành, đa lĩnh vực theo hướng tinh gọn bộ máy quản lý hành chính, tăng tính trách nhiệm và hiệu quả quản lý phù hợp với xu thế phát triển của thế giới.

Môi trường pháp lý cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin được cải thiện. Chỉ thị 58 là nền tảng cho sự ra đời

của nhiều cơ chế, chính sách thuận lợi, thúc đẩy việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin ở nước ta. Những chủ trương của Đảng có liên quan đến công nghệ thông tin từ Chỉ thị 58 của Bộ Chính trị (tháng 10/2000) đến Đại hội XI đã được thể chế hóa thông qua các văn bản luật và dưới luật. Đó là: Luật Giao dịch điện tử, Luật Công nghệ thông tin, Luật Bưu chính, Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông. Quyết định thành lập Cục Viễn thông; Nghị quyết của Chính phủ về phát triển công nghiệp phần mềm; các nghị định của Chính phủ về quản lý cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước; quy định chi tiết thi hành luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin; quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực công nghệ thông tin; các quyết định của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách và biện pháp khuyến khích đầu tư và phát triển công nghệ thông tin nói chung và công nghiệp phần mềm nói riêng, v.v.. Nhiều Bộ, ngành cũng đã ban hành các văn bản thúc đẩy ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của đơn vị mình, hoặc trong lĩnh vực quản lý của đơn vị. Từ năm 2006, trong mục lục ngân sách nhà nước đã có dòng chi riêng cho công nghệ thông tin⁷. Pháp lệnh bưu chính, viễn thông với tinh thần xóa bỏ độc quyền doanh nghiệp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông là một giải pháp đột phá tạo điều kiện cho việc phát triển nhanh, mạnh các loại hình dịch vụ viễn thông đa dạng,

với chất lượng ngày một cao, giá ngày một rẻ, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của xã hội. Các chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp phần mềm với các ưu đãi cao đã có sức thu hút mạnh các doanh nghiệp đăng ký kinh doanh và đầu tư trong lĩnh vực này.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng và Nhà nước đã có bước phát triển mới, góp phần đổi mới lề lối làm việc, hiện đại hóa nền hành chính, tạo tiền đề cho việc phát triển chính phủ điện tử. Ứng dụng công nghệ thông tin đã trở thành yếu tố quan trọng trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh và là yếu tố sống còn đối với các ngành đòi hỏi hội nhập quốc tế và cạnh tranh cao như ngân hàng, viễn thông, hàng không, v.v.. Việc ứng dụng công nghệ thông tin đã được triển khai cả về chiều rộng và chiều sâu. Các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ giáo dục, y tế, thể thao, văn hoá, xã hội, nông nghiệp và phát triển nông thôn bước đầu phục vụ nhu cầu thiết thực của cộng đồng. Mạng thông tin quốc gia phát triển nhanh với nhiều loại hình dịch vụ, chất lượng ngày một tốt hơn, giá cước giảm mạnh trên cơ sở xóa bỏ độc quyền doanh nghiệp.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều thách thức được đặt ra với công nghệ thông tin Việt Nam như mối liên hệ giữa sự phát triển kinh tế quốc dân và chất lượng tăng trưởng, an ninh quốc gia, an toàn dân sinh... Công tác quản lý nhà nước vẫn còn nhiều hạn chế, môi trường pháp lý chưa đáp ứng các nhu cầu bức thiết về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin. Việc triển khai thực hiện Chỉ thị 58 chưa quán

triệt được đầy đủ quan điểm “công nghệ thông tin là một trong các động lực quan trọng nhất của sự phát triển”. Nhiều lãnh đạo chủ chốt các ngành, các cấp chưa thực sự vào cuộc; chưa trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc; chưa thực hiện công nghệ thông tin là biện pháp hàng đầu, hạ tầng của hạ tầng để thúc đẩy các ngành, các lĩnh vực phát triển.

4. Một số định hướng phát triển công nghệ thông tin ở Việt Nam

Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được, những kinh nghiệm rút ra trong lịch sử quá trình lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, để tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong thời gian tới, cần tập trung thực hiện một số nội dung dưới đây:

Thứ nhất, đổi mới, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của công nghệ thông tin trong phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng và hiện đại hóa đất nước, bao gồm cả những lĩnh vực then chốt như an ninh phòng thủ quốc gia, văn hóa, kinh tế... Đồng thời, nâng cao năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông qua các hình thức tuyên truyền, phổ biến kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin và truyền thông trên Internet và các phương tiện thông tin đại chúng. Phát động phong trào cách mạng sâu rộng, cả nước tiến quân vào xã hội thông tin và kinh tế tri thức, cả nước thành trường học lớn, khuyến khích văn hóa chia sẻ thông tin, hình thành học tập suốt đời.

Thứ hai, nâng cao năng lực ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin gắn với việc tăng cường năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về công nghệ thông tin và truyền

thông. Kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về công nghệ thông tin và truyền thông ở các cấp trung ương và địa phương. Nghiên cứu để có được mô hình Ủy ban quốc gia về công nghệ thông tin hoạt động thực chất, hiệu quả. Xây dựng bộ máy (cơ quan) thường trực mạnh, làm việc chuyên trách, có đủ năng lực và quyền hạn để hoàn thành các nhiệm vụ được giao phó. Cần phải có quy định cụ thể trách nhiệm của người đứng đầu các ngành, các địa phương ở tất cả các cấp trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ này. Xây dựng chức danh cán bộ quản lý thông tin, xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý công nghệ thông tin và truyền thông các cấp và có chế độ đãi ngộ hợp lý. Nghiên cứu, xây dựng quy định bắt buộc cán bộ sử dụng phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông trong công việc, quy chế về khai thác, cập nhật và chia sẻ thông tin.

Thứ ba, huy động vốn thực hiện chiến lược. Huy động vốn trong và ngoài nước để thực hiện các chương trình trọng điểm. Tập trung vốn để thực hiện các dự án ưu tiên cấp quốc gia và các dự án ưu tiên cấp Bộ, ngành địa phương. Có các chính sách đặc biệt thu hút nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin. Tạo lập môi trường thuận lợi để Việt Nam trở thành địa điểm hấp dẫn cho đầu tư và chiếm được sự tin cậy của các đối tác công nghệ thông tin. Khuyến khích tất cả các thành phần kinh tế tham gia phát triển công nghiệp công nghệ thông tin.

Thứ tư, tiếp tục phát triển nguồn nhân lực cho công nghệ thông tin. Việt Nam cần xây dựng lực lượng cán bộ khoa công nghệ đủ mạnh, đáp ứng nhu cầu phát triển của

đất nước. Có những chính sách phù hợp để các cán bộ làm khoa học yên tâm đóng góp trí tuệ cho khoa học nước nhà. Bên cạnh đó, các cơ quan liên quan cần xây dựng, hoàn thiện các chương trình đào tạo về công nghệ thông tin chuẩn quốc tế, phù hợp với yêu cầu của thực tế công việc, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đào tạo tin học ở tất cả các cấp, gửi những người đủ năng lực đi nước ngoài đào tạo...

Thứ năm, phát triển hệ thống nghiên cứu triển khai. Nâng cao năng lực nghiên cứu triển khai của các cơ sở nghiên cứu về công nghệ thông tin và truyền thông. Ưu đãi đặc biệt các công ty quốc tế thiết lập các trung tâm nghiên cứu công nghệ thông tin ở Việt Nam. Đẩy mạnh liên kết nghiên cứu giữa các doanh nghiệp công nghệ thông tin với các trường đại học, viện nghiên cứu. Triển khai các chương trình nghiên cứu khoa học, công nghệ về công nghệ thông tin và truyền thông.

Thứ sáu, hoàn thiện môi trường pháp lý hỗ trợ phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông. Khẩn trương xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật tạo môi trường cho việc hỗ trợ ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin. Xây dựng cơ chế, chính sách đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp công nghệ thông tin thuộc mọi thành phần kinh tế. Phân định rõ hoạt động sản xuất kinh doanh với hoạt động mang tính công ích trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông Việt Nam.

Bên cạnh đó, phải tăng cường hợp tác, liên kết trong nước và quốc tế; tranh thủ sự hỗ trợ và chia sẻ về thông tin, tri thức,

kinh nghiệm, công nghệ trên các lĩnh vực nghiên cứu, quản lý, sản xuất, kinh doanh, đào tạo của các tổ chức quốc tế, các công ty đa quốc gia, các cơ sở nghiên cứu, các trung tâm tư vấn, các chuyên gia, đặc biệt là của người Việt Nam ở nước ngoài. Thường xuyên củng cố và phát huy mối quan hệ hợp tác và liên kết giữa ba chủ thể Nhà nước, doanh nghiệp và người sử dụng. Phát huy vai trò của các hiệp hội nghề nghiệp về công nghệ thông tin và truyền thông trong quá trình đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin và truyền thông.

Thực hiện mở cửa thị trường viễn thông và internet, chủ động hội nhập quốc tế. Chuyển mạnh sang thị trường cạnh tranh, tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế tham gia cung cấp dịch vụ viễn thông và Internet. Mở rộng thị trường công nghệ thông tin và truyền thông ra nước ngoài, phát triển thị trường lao động công nghệ thông tin và truyền thông, hỗ trợ và tạo điều kiện xuất khẩu lao động sản xuất phần mềm và thu hút chuyên gia công nghệ thông tin và truyền thông quốc tế vào Việt Nam.

Thứ bảy, tăng cường ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin hơn nữa trong các cơ quan của Đảng bằng cách nâng cao ý thức về vai trò, tầm quan trọng của ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong mỗi đảng viên, bằng cách nâng cao năng lực sử dụng công nghệ thông tin cũng như xây dựng những phần mềm chuyên dụng phù hợp với các hoạt động đặc thù của một đảng cầm quyền. Có như vậy, Đảng mới trở thành tấm gương sáng trong việc ứng dụng và phát triển công nghệ

thông tin, mới có những cơ sở thực tế gần gũi để đề xướng những chủ trương chính sách thích hợp.

Tóm lại, thế giới đang dần chuyển mình sang kỷ nguyên của nền kinh tế tri thức, xã hội thông tin, vì thế công nghệ thông tin càng thể hiện rõ vai trò đặc biệt quan trọng trong sự phát triển bền vững của tất cả các quốc gia. Chủ trương của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một chủ trương sáng suốt, đúng đắn, thiết thực. Cùng với những thành tựu về kinh tế xã hội, sau gần 30 năm đổi mới, Chỉ thị 58 kết hợp với các nỗ lực thực hiện của các cơ quan Đảng, Nhà nước, công nghệ thông tin Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể và góp phần đặc lực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Chú thích

1. Công nghệ cao, công nghệ tiên tiến là những khái niệm mới xuất hiện trong mấy thập kỷ gần đây, nhưng đã nhanh chóng trở thành vấn đề thời sự, đang trở thành nền tảng cho nền kinh tế tri thức, có vai trò ngày càng lớn trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất, có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế trên toàn cầu, đặc biệt đối với những nước đang tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa như Việt Nam. Trên thế giới, mỗi nước và khu vực có thể có quy định khác nhau về số lượng và thành phần các ngành này, nhưng về cơ bản đã thống nhất 6 ngành (có lúc gọi là lĩnh vực) sau đây: công nghệ thông tin,

công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới và công nghệ nano, công nghệ năng lượng, công nghệ hàng không vũ trụ, công nghệ đại dương. Xem: Phan Xuân Dũng, 2008. *Công nghệ tiên tiến và công nghệ cao với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.40.

2. Phan Xuân Dũng, 2008. *Công nghệ tiên tiến và công nghệ cao với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.37.

3. Tủ sách phổ biến kiến thức về công nghệ thông tin và Truyền thông, 2005. *Công nghệ thông tin và truyền thông với việc giảm đói nghèo*, Nxb. Bưu điện.

4. Từ Đại hội VIII của Đảng (tháng 6/1996) bên cạnh việc tiếp tục khẳng định quan niệm về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nêu ra ở Hội nghị

Trung ương 7 khóa VII đã có nhận định quan trọng về nhiệm vụ của chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho phép chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2000. *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.78-80.

6. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2000. *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, *sđd*, tr.488-538.

7. Văn phòng Ban Chỉ đạo quốc gia về Công nghệ thông tin, 2004. *Các văn bản của Đảng, Nhà nước về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin*, Nxb. Bưu điện. Xem thêm trên Cổng thông tin Chính phủ Việt Nam: www.chinhphu.vn.